

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Xuân Đạm
- Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỳ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Bà T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Trọng H vào tháng 5 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân thị xã L. Đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H không có con chung, con nuôi. Hiện bà T cũng không mang thai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Do hiện đi làm ở xa không thể đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà T có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Ông H thống nhất thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân theo như đơn bà Nguyễn Thị Tú T trình bày. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý

Về con chung thì ông H và bà T không có con chung, con nuôi. Tài sản chung và nợ chung cũng không có.

Trong vụ án trên ông H không yêu cầu giải quyết vấn đề gì và có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tú T và ông Nguyễn Trọng H

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề nghị HĐXX xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tú T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông H cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân

xã L, huyện Lộc Ninh nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của bà T và ông H trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự thống nhất đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và thừa nhận đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, nay ông H cũng đồng ý ly hôn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, đương sự có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Như vậy, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H khai không có con chung, con nuôi cũng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tú T và ông Nguyễn Trọng H

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

3. Về án phí: Buộc bà T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006217 ngày 11/4/2024. Ông H không phải chịu án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên